

Số: 32/2025/NQ-HĐND

Hà Nội, ngày 29 tháng 9 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Quy định chi tiết trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng các công trình tại bãi sông, bãi nổi ở các tuyến sông có đề trên địa bàn Thành phố
(thực hiện khoản 7 Điều 18 của Luật Thủ đô số 39/2024/QH15)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ khoản 7 Điều 18 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14, Luật số 62/2020/QH14, Luật số 45/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 55/2024/QH15, Luật số 61/2024/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 72/2020/QH14, Luật số 03/2022/QH15, Luật số 05/2022/QH15, Luật số 08/2022/QH15, Luật số 09/2022/QH15, Luật số 20/2023/QH15, Luật số 26/2023/QH15, Luật số 27/2023/QH15, Luật số 28/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 33/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15, Luật số 28/2023/QH15, Luật số 35/2024/QH15, Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đề điều số 79/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 60/2020/QH14;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 60/2020/QH14;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 11/2022/QH15;

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 60/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 243/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư;

Xét Tờ trình số 333/TTr-UBND ngày 18 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ban hành Nghị quyết quy định chi tiết trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng các công trình tại bãi sông, bãi nổi ở các tuyến sông có đê trên địa bàn Thành phố (thực hiện khoản 7 Điều 18 của Luật Thủ đô); Báo cáo thẩm tra số 132/BC-BKTNS ngày 18 tháng 9 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách; Báo cáo số 374/BC-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc tiếp thu, giải trình Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận và biểu quyết của các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Nghị quyết quy định chi tiết trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng các công trình tại bãi sông, bãi nổi ở các tuyến sông có đê trên địa bàn Thành phố (thực hiện khoản 7 Điều 18 của Luật Thủ đô).

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chi tiết trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng các công trình tại bãi sông, bãi nổi ở các tuyến sông có đê trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành thành phố Hà Nội.
2. Cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng.
3. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị quyết này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Chủ đầu tư:

a) Đối với dự án đầu tư công: là cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao nhiệm vụ làm chủ đầu tư;

b) Đối với dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (sau đây gọi là dự án PPP): là đơn vị được giao chuẩn bị dự án hoặc nhà đầu tư được chấp thuận lập Báo cáo nghiên cứu khả thi;

c) Đối với dự án sử dụng vốn ngoài ngân sách: là nhà đầu tư được chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc đủ điều kiện lập, trình phê duyệt dự án (trong trường hợp dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư) theo quy định của pháp luật về đầu tư.

2. *Cơ quan chủ trì thẩm định* là cơ quan chuyên môn về xây dựng quy định tại khoản 6 và 7 Điều 121 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.

Điều 4. Nguyên tắc chung

1. Dự án không phân biệt nguồn vốn đầu tư thực hiện trình tự, thủ tục phê duyệt dự án đầu tư xây dựng theo Nghị quyết này.

Các dự án thực hiện theo Lệnh khẩn cấp thực hiện theo quy trình dự án khẩn cấp, không thuộc phạm vi áp dụng Nghị quyết này.

2. Dự án đầu tư tại bãi sông, bãi nổi phải đảm bảo phù hợp kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội theo từng thời kỳ, kế hoạch phát triển ngành, tuân thủ các quy định của pháp luật về đầu tư, đê điều, đất đai, xây dựng và pháp luật khác có liên quan; đảm bảo an ninh, an toàn, trật tự xã hội và bảo vệ môi trường.

3. Dự án đầu tư phải phù hợp với quy hoạch phòng, chống lũ của tuyến sông có đê, quy hoạch đê điều, Quy hoạch Thủ đô, Quy hoạch xây dựng Thủ đô và quy hoạch khác có liên quan; đảm bảo các yêu cầu không làm ảnh hưởng đến khả năng thoát lũ, chứa lũ và không làm gia tăng rủi ro thiên tai.

4. Việc lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng phải bảo đảm công khai, minh bạch, đúng quy định của pháp luật, tạo thuận lợi cho việc triển khai thực hiện dự án và hoạt động quản lý nhà nước đối với dự án.

5. Việc lập hồ sơ báo cáo nghiên cứu khả thi; trình tự, thủ tục, thẩm quyền các quy trình khác trong quá trình tổ chức thực hiện dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo các quy định tương ứng của pháp luật hiện hành.

Chương II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH TẠI BÃI SÔNG, BÃI NỔI Ở CÁC TUYẾN SÔNG CÓ ĐÊ

Điều 5. Trình tự

1. Chủ đầu tư lập Báo cáo nghiên cứu khả thi xây dựng công trình và các hồ sơ, tài liệu theo quy định của pháp luật có liên quan, gửi Cơ quan chủ trì thẩm định.

2. Cơ quan chủ trì thẩm định lấy ý kiến các cơ quan có liên quan.

3. Các cơ quan có liên quan gửi văn bản kết quả thẩm định về cơ quan chủ trì thẩm định.

4. Cơ quan chủ trì thẩm định tổng hợp kết quả thẩm định, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố.

5. Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, phê duyệt dự án đầu tư.

Điều 6. Lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng

1. Đối với dự án đầu tư công, dự án sử dụng vốn ngoài ngân sách, Chủ đầu tư lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng theo quy định tại Điều 52 Luật số 50/2014/QH13 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14, Luật số 62/2020/QH14, Luật số 45/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 55/2024/QH15, Luật số 61/2024/QH15, Điều 13 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.

2. Đối với dự án PPP, Chủ đầu tư lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP theo quy định tại Khoản 2 Điều 19 Luật số 64/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15, Luật số 28/2023/QH15, Luật số 35/2024/QH15, Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15; các Điều 18, 19 Nghị định số 243/2025/NĐ-CP.

3. Đối với dự án PPP áp dụng loại hợp đồng xây dựng – chuyển giao (sau đây gọi là hợp đồng BT), việc lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án thực hiện theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết về việc thực hiện dự án áp dụng loại hợp đồng BT.

Điều 7. Hồ sơ đề nghị thẩm định

1. Đối với dự án đầu tư công, dự án sử dụng vốn ngoài ngân sách, hồ sơ đề nghị thẩm định bao gồm:

a) Tờ trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng theo Mẫu số 01 Phụ lục I của Nghị định số 175/2024/NĐ-CP;

b) Nội dung Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 54 Luật số 50/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Luật số 62/2020/QH14; Điều 14 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP; khoản 3 Điều 26 Luật số 79/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 60/2020/QH14, khoản 13 Điều 13 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch; khoản 1 Điều 17 Luật số 39/2024/QH15; khoản 1 Điều 16 Luật Phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ số 55/2024/QH15; điểm a khoản 3 Điều 6 Nghị định 105/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Điều 5 Nghị định số 113/2007/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Đê điều; bao gồm:

- Hồ sơ khảo sát xây dựng được phê duyệt;

- Thuyết minh Báo cáo;

- Thiết kế cơ sở, bao gồm: bản vẽ, thuyết minh, phụ lục tính toán, trong đó thể hiện những nội dung liên quan quy hoạch phòng chống lũ trên từng tuyến sông có đê, quy hoạch đê điều; phương án phòng chống lũ của tuyến sông có đê, phương án phát triển hệ thống đê điều trong quy hoạch Thủ đô và kết quả tính toán đáp ứng theo yêu cầu về an toàn đê điều.

c) Văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư dự án (nếu có); hoặc các tài liệu khác chứng minh dự án đủ điều kiện lập, trình phê duyệt (trong trường hợp dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư) theo quy định của pháp luật về đầu tư.

d) Nghị quyết của HĐND Thành phố về việc bố trí nguồn vốn thực hiện dự án đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công; Hồ sơ năng lực tài chính của Nhà đầu tư và khả năng huy động nguồn vốn đảm bảo thực hiện dự án đối với dự án sử dụng vốn ngoài ngân sách;

đ) Văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh liên quan đối với công trình có ảnh hưởng đến tỉnh đó (nếu có);

e) Văn bản thẩm tra của đơn vị tư vấn độc lập về sự ảnh hưởng của công trình đến an toàn đê điều và thoát lũ lòng sông theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 4 Thông tư số 04/2021/TT-BNNPTNT hướng dẫn thực hiện việc chấp thuận, thẩm định các hoạt động liên quan đến đê điều (sửa đổi tại khoản 3 Điều 10 Thông tư số 18/2025/TT-BNNMT quy định chi tiết về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai);

g) Tài liệu khác có liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP;

h) Tài liệu khác có liên quan đối với công tác thẩm định nội dung đảm bảo yêu cầu phòng chống thiên tai theo quy định của pháp luật về phòng chống thiên tai;

i) Tài liệu liên quan khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có).

2. Đối với dự án PPP, hồ sơ đề nghị thẩm định bao gồm:

a) Hồ sơ theo quy định tại các Điều 19, 20 và Điều 22 Luật số 64/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15, Luật số 28/2023/QH15, Luật số 35/2024/QH15, Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15; Điều 21 Nghị định số 243/2025/NĐ-CP.

Đối với dự án PPP áp dụng loại hợp đồng BT, hồ sơ đề nghị thẩm định thực hiện theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết về việc thực hiện dự án áp dụng loại hợp đồng BT;

b) Tài liệu khác có liên quan đối với công tác thẩm định đảm bảo an toàn đê điều và thoát lũ lòng sông, phòng chống thiên tai quy định tại điểm b, điểm e, điểm h khoản 1 Điều này và theo quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 8. Thẩm định dự án đầu tư xây dựng

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị thẩm định theo quy định, cơ quan chủ trì thẩm định có trách nhiệm gửi hồ sơ đề xin ý kiến của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan khác có liên quan để thẩm định, cho ý kiến.

2. Trong thời hạn quy định tại khoản 4 Điều này kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ quan chủ trì thẩm định, cơ quan có liên quan thực hiện việc thẩm định, cho ý kiến và gửi kết quả về cơ quan chủ trì thẩm định.

3. Cơ quan chủ trì thẩm định có trách nhiệm tổng hợp ý kiến thẩm định, ý kiến tham gia của các cơ quan có liên quan, tổ chức việc thẩm định theo quy định của pháp luật, trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, phê duyệt dự án.

4. Thời gian thẩm định, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng được tính từ ngày cơ quan, tổ chức thẩm định nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

a) Thời gian thẩm định dự án đầu tư xây dựng được quy định cụ thể như sau:

- Đối với dự án đầu tư công nhóm A, dự án đầu tư sử dụng vốn ngoài ngân sách có quy mô tương đương nhóm A, thời gian thẩm định không quá 28 ngày, trong đó thời gian chủ trì thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng không quá 25 ngày, thời gian thẩm định của các cơ quan nhà nước có liên quan không quá 15 ngày;

- Đối với dự án đầu tư công nhóm B, dự án đầu tư sử dụng vốn ngoài ngân sách có quy mô tương đương nhóm B, thời gian thẩm định không quá 21 ngày, trong đó thời gian thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng không quá 18 ngày, thời gian thẩm định của các cơ quan nhà nước có liên quan không quá 10 ngày;

- Đối với dự án đầu tư công nhóm C, dự án đầu tư sử dụng vốn ngoài ngân sách có quy mô tương đương nhóm C, thời gian thẩm định không quá 14 ngày, trong đó thời gian thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng không quá 11 ngày, thời gian thẩm định của các cơ quan nhà nước có liên quan không quá 07 ngày.

- Đối với dự án PPP đã có quyết định chủ trương đầu tư, thời gian thẩm định không quá 10 ngày, trong đó thời gian thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng không quá 07 ngày, thời gian thẩm định của các cơ quan nhà nước có liên quan không quá 05 ngày.

- Đối với dự án PPP không thuộc trường hợp quyết định chủ trương đầu tư, thời gian thẩm định không quá 15 ngày, trong đó thời gian thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng không quá 12 ngày, thời gian thẩm định của các cơ quan nhà nước có liên quan không quá 08 ngày.

- Đối với dự án quy định tại khoản 4 Điều 11 Luật số 64/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15, Luật số 28/2023/QH15, Luật số 35/2024/QH15, Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15, thời gian thẩm định không quá 20 ngày, trong đó thời gian thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng không quá 17 ngày, thời gian thẩm định của các cơ quan nhà nước có liên quan không quá 12 ngày.

b) Thời gian thẩm định nêu trên không bao gồm thời gian xin ý kiến các cơ quan Trung ương.

Điều 9. Nội dung thẩm định dự án đầu tư xây dựng

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường thẩm định các nội dung sau đây:

a) Sự tuân thủ các quy định của pháp luật về đê điều; Sự phù hợp quy hoạch phòng chống lũ trên từng tuyến sông có đê, quy hoạch đê điều;

b) Phương án phòng chống lũ của tuyến sông có đê, phương án phát triển hệ thống đê điều trong quy hoạch Thủ đô;

c) Vị trí xây dựng công trình so với phạm vi bảo vệ đê điều; Các nội dung đảm bảo không làm giảm quá giới hạn cho phép của lưu lượng lũ thiết kế; không làm tăng giảm giới hạn cho phép của mực nước lũ thiết kế; không làm ảnh hưởng đến dòng chảy của khu vực lân cận, thượng lưu, hạ lưu đối với việc xây dựng công trình;

d) Thẩm định các nội dung bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai theo quy định của pháp luật về phòng chống thiên tai;

đ) Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Sở Khoa học và Công nghệ thẩm định những nội dung về công nghệ đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao hoặc dự án đầu tư xây dựng có nguy cơ tác động xấu đến môi trường có sử dụng công nghệ theo Luật chuyển giao Công nghệ.

3. Các cơ quan khác có liên quan thẩm định, cho ý kiến về nội dung liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

4. Các cơ quan quản lý chuyên ngành theo lĩnh vực tham mưu UBND Thành phố có văn bản xin ý kiến các Bộ, ngành liên quan đối với các trường hợp cần thiết.

5. Căn cứ kết quả thẩm định hoặc ý kiến của các cơ quan có liên quan, cơ quan chủ trì thẩm định có nhiệm vụ tổ chức thẩm định theo những nội dung sau đây:

a) Nội dung quy định tại Điều 58 của Luật số 50/2014/QH13 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 15 Điều 1 Luật số 62/2020/QH14) đối với dự án đầu tư công, dự án sử dụng vốn ngoài ngân sách;

b) Nội dung quy định tại Khoản 2 Điều 20 Luật số 64/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15, Luật số 28/2023/QH15, Luật số 35/2024/QH15, Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15, Điều 22 Nghị định số 243/2025/NĐ-CP đối với dự án PPP;

c) Nội dung khác theo quy định pháp luật về hoạt động xây dựng, hoạt động liên quan đến đê điều, bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai;

d) Việc xác định tổng mức đầu tư của dự án theo quy định của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

Điều 10. Phê duyệt dự án đầu tư

1. Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, phê duyệt dự án đầu tư theo những nội dung chủ yếu sau:

a) Đối với dự án đầu tư công, dự án sử dụng vốn ngoài ngân sách, nội dung phê duyệt thực hiện theo quy định khoản 3 Điều 22 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP;

b) Đối với dự án PPP, nội dung phê duyệt thực hiện theo quy định tại Điều 23 Luật số 64/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15, Luật số 28/2023/QH15, Luật số 35/2024/QH15, Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15, Điều 24 Nghị định số 243/2025/NĐ-CP.

2. Thời gian phê duyệt dự án:

a) Đối với dự án đầu tư công, dự án sử dụng vốn ngoài ngân sách: không quá 05 ngày làm việc đối với dự án nhóm A và tương đương; không quá 04 ngày làm việc đối với dự án nhóm B,C và tương đương, kể từ ngày nhận được Báo cáo thẩm định của cơ quan chủ trì thẩm định.

b) Đối với dự án PPP:

- Không quá 03 ngày làm việc đối với dự án PPP đã có quyết định chủ trương đầu tư.

- Không quá 05 ngày làm việc đối với dự án PPP không thuộc trường hợp quyết định chủ trương đầu tư.

CHƯƠNG III TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân Thành phố:

a) Tổ chức thi hành Nghị quyết và phê duyệt dự án theo thẩm quyền và các quy định của pháp luật; hướng dẫn, phân công nhiệm vụ cho các cơ quan có chức năng trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Nghị quyết này.

b) Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước đối với dự án đầu tư xây dựng tại khu vực bãi sông, bãi nổi ở các tuyến sông có đê trên địa bàn thành phố Hà Nội theo đúng quy định của pháp luật hiện hành và các nội dung được quy định tại Nghị quyết này.

c) Định kỳ báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố kết quả tổ chức thực hiện Nghị quyết; trường hợp cần thiết, trình Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội sửa đổi, bổ sung Nghị quyết để phù hợp với thực tiễn.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát quá trình tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

3. Đề nghị Ủy ban mặt trận Tổ quốc các cấp thành phố Hà Nội tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

4. Điều chỉnh dự án đầu tư:

- Đối với dự án đầu tư công, dự án sử dụng vốn ngoài ngân sách: Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt điều chỉnh dự án theo quy định. Việc lập, thẩm định, phê duyệt nội dung điều chỉnh dự án thực hiện theo quy định tại Điều 5, 6, 7, 8, 9 và Điều 10 Nghị quyết này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Đối với dự án PPP: Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức điều chỉnh dự án đúng thẩm quyền, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật.

Điều 12. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 09 tháng 10 năm 2025.

Điều 13. Quy định chuyển tiếp

1. Dự án đầu tư xây dựng đã được chấp thuận chủ trương đầu tư, chưa được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt dự án thì thực hiện các thủ tục phê duyệt dự án theo quy định tại Nghị quyết này.

2. Dự án đầu tư xây dựng đã được chấp thuận chủ trương đầu tư/phê duyệt dự án theo quy định tại Điều 26 Luật Đầu tư; nay có nội dung điều chỉnh và đáp ứng các điều kiện điều chỉnh theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về xây dựng, thì thực hiện thủ tục phê duyệt điều chỉnh dự án theo quy định tại Nghị quyết này.

Nghị quyết đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Khóa XVI, kỳ họp thứ 26 thông qua ngày 29 tháng 9 năm 2025.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy Hà Nội;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQ Thành phố;
- Đoàn ĐBQH TP Hà Nội;
- Đảng ủy các cơ quan Đảng Thành phố;
- Đảng ủy UBND Thành phố;
- Các vị đại biểu HĐND Thành phố;
- VP Thành ủy, các Ban Đảng Thành ủy;
- Các Ban của HĐND Thành phố;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND, VP UBND Thành phố;
- Các Sở, ban, ngành thuộc Thành phố;
- TT HĐND, UBND các xã, phường thuộc Thành phố;
- Trang TTĐT của Đoàn ĐBQH&HĐND Thành phố;
- Trung tâm TT, DL và CNS TP Hà Nội;
- Lưu: VT

CHỦ TỊCH



Nguyễn Ngọc Tuấn